

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06-02-2025

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Bà Hoàng Thị Len .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 2000

Đăng ký HKTT: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: U, U - cho, thành phố T tỉnh Okayama, Nhật Bản.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1998

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh S có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai đề ngày 11/10/2024; Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 29/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị có cuộc sống không mấy hòa thuận. Đến cuối năm 2019, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi khiến

tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung về kinh tế, quan điểm sống. Cuối năm 2022, chị sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Kể từ khi chị đi nước ngoài, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Phạm Văn S có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 03/8/2019. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung là cháu Phạm Gia B cho anh Phạm Văn S nuôi dưỡng và chị không cần thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Tại bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 17/12/2024; Bị đơn - anh Phạm Văn S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn anh S khai phù hợp với lời khai như của chị N đã trình bày. Nay chị N xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 03/8/2019. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị N tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do bận công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N ở nước ngoài (Nhật Bản), căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Chị N, anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh S.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2019 tại Ủy ban

nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Lời khai của chị N và anh S đều thể hiện mâu thuẫn giữa chị N và anh S là có thật, đã kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh S đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh S không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh S ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 03/8/2019, hiện nay cháu B đang ở cùng anh S. Ly hôn, chị N và anh S đều nhất trí giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đề nghị của chị N và anh S là tự nguyện và hợp pháp, để bảo đảm quyền, lợi ích của cháu B, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Phạm Gia B cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Gia B, do chị N và anh S tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 03/8/2019. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000360 ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn S. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã An Hiệp, h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Thành

